

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh **Mã số:** 7340101
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành theo quyết định số 613a/ĐHKTKTCN ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, có tư duy nghiên cứu độc lập và năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo là:

1.2.1. Về kiến thức

- MT1: Trang bị cho sinh viên có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ và sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;
- MT2: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế và quản trị kinh doanh để tham gia điều hành hoạt động của doanh nghiệp hoặc tự khởi nghiệp và điều hành hoạt động kinh doanh của bản thân;

1.2.2. Về kỹ năng

- MT3: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực thực hiện các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ phù hợp với các vị trí công việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;

1.2.3. Về thái độ

- MT4: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong công việc chuyên môn, có tác phong chuyên nghiệp, có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng và xã hội.

1.2.4. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDT-BTTTT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- CDR 1: Hiểu và vận dụng được những nguyên lý, kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào nghề nghiệp và cuộc sống.

- CDR 2: Nắm vững những kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề của tổ chức.

- CDR 3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT).

- CDR 4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

- CDR 5: Nắm vững những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước và có sức khỏe tốt để học tập, làm việc suốt đời.

- CDR 6: Hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế học, pháp luật trong kinh tế, nguyên lý kế toán, phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.

- CDR 7: Hiểu và vận dụng được những nguyên lý chung của khoa học quản trị và vận hành doanh nghiệp, bao gồm những kiến thức nền tảng về kế toán, tài chính, marketing, kinh tế lượng làm cơ sở lý luận và thực tiễn của quản trị kinh doanh.

- CDR 8: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh như: quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh,... để phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, xây dựng các mục tiêu kinh doanh, và hoạch định, tổ chức triển khai và kiểm soát quá trình thực thi chiến lược sản xuất - kinh doanh.

- CDR 9: Vận dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu của marketing như: quản trị marketing, quản trị bán hàng, marketing quốc tế, marketing dịch vụ,... để thu thập và phân tích thông tin trong quá trình nghiên cứu, lập kế hoạch, triển khai thực hiện và kiểm soát các chương trình marketing thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ,...

- CDR 10: Vận dụng được các kiến thức đã học liên quan đến quản trị dự án, quản trị rủi ro, quản trị thương hiệu, giao dịch và đàm phán kinh doanh,... để khởi sự kinh doanh và quản trị tốt một doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.

- CDR 11: Nắm vững các kiến thức nền tảng, nâng cao về nghiên cứu và dự báo thị trường, hệ thống thông tin quản lý, ứng dụng tin học trong kinh doanh, thương mại điện tử,... để tổ chức thẩm định, đánh giá và triển khai các dự án thương mại điện tử trong doanh nghiệp.

- CDR 12: Phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức thực tế, thực tập về các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và có định hướng rõ ràng về nghề nghiệp.

- CDR 13: Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, hoàn thành được một đề tài

nghiên cứu mang tính thực tiễn.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- CDR 14: Có kỹ năng hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách kinh doanh trong doanh nghiệp.
- CDR 15: Có thể tổ chức điều hành các hoạt động chức năng cụ thể của doanh nghiệp như sản xuất, nhân lực, tài chính, marketing, bán hàng,...
- CDR 16: Có kỹ năng quản trị sự thay đổi và giải quyết vấn đề mới phát sinh trong quản trị doanh nghiệp.
- CDR 17: Có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin môi trường kinh doanh và thị trường để phát hiện đánh giá và lựa chọn cơ hội đầu tư.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- CDR 18: Có kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ.
- CDR 19: Có kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc theo nhóm (team work).
- CDR 20: Có kỹ năng tự học, tìm tòi và sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học.
- CDR 21: Sử dụng tốt một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh và phần mềm chuyên dụng như phần mềm quản trị doanh nghiệp hợp nhất (AMIS).

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CDR 22: Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.
- CDR 23: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, đồng thời có khả năng tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- CDR 24: Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực.
- CDR 25: Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị.

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

- Nhóm 1: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: chuyên viên phân tích, dự báo, tư vấn chính sách; chuyên viên hoạch định, khai thác và sử dụng nguồn nhân lực; quản lý thị trường và thương mại,...

- Nhóm 2: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu

Vị trí: trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu,... triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên cao cấp, chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, phân tích, hoạch định chính sách, tham gia đề xuất, xây dựng và phát

triển các ý tưởng sáng tạo, mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh cho mọi tổ chức thuộc chính phủ, phi chính phủ và các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

- Nhóm 3: Các doanh nghiệp sản xuất

Vị trí: có thể đảm nhận tốt các vị trí nhân viên/ trợ lý viên/ chuyên viên tại các bộ phận chức năng sau của doanh nghiệp:

- + Bộ phận quản trị chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh
- + Bộ phận quản trị dự án kinh doanh
- + Bộ phận tổ chức và quản trị nhân lực
- + Bộ phận quản trị tác nghiệp
- + Bộ phận quản trị tài chính
- + Bộ phận quản trị chất lượng,...

Sau thời gian làm việc, tích lũy kinh nghiệm, có thể đảm nhận những vị trí cao cấp như: giám sát/quản lý/trưởng phòng/giám đốc tại các công ty trong nước và nước ngoài.

- Nhóm 4: Doanh nghiệp thương mại

Vị trí: làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của doanh nghiệp:

- + Bộ phận thuộc chức năng như marketing, bán hàng, logistics,...
- + Bộ phận nghiên cứu và dự báo thị trường,...

- Nhóm 5: Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Vị trí: sau khi tốt nghiệp người học có thể là chuyên viên có năng lực, có khả năng tự bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm để trở thành chuyên gia có trình độ cao, có năng lực tự chủ kinh doanh và tổ chức quản lý một doanh nghiệp

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT																								
	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	
	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10	R11	R12	R13	R14	R15	R16	R17	R18	R19	R20	R21	R22	R23	R24	R25
MT1	X	X	X	X	X																				
MT2						X	X	X	X	X	X	X	X												
MT3														X	X	X	X	X	X	X					
MT4																						X	X	X	X

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 143 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 103 tín chỉ
 - *Phần lý thuyết* 70 tín chỉ
 - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* 24 tín chỉ
 - *Khoá luận tốt nghiệp* 09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quyết định số 686/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (40 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)					
1.1. Lý luận chính trị			11		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. CNXH Khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
1.2. Khoa học xã hội			2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học			7		
001053	1. Đại số tuyến tính	KHUĐ	2	(26, 8, 60)	x
001264	2. Quy hoạch tuyến tính	KHUĐ	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001102	3. Xác suất thống kê	KHUĐ	3	(36, 18, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ (chọn 4 tín chỉ trong các học phần)		4		
002129	1. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002056	3. Kỹ năng tổ chức quản lý	QT&MAR	1	(15, 0, 30)	x
002238	4. Kỹ năng nghề nghiệp - QT&MAR	QT&MAR	1	(15, 0, 30)	x
001718	5. Kỹ năng trình diễn vấn đề	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
000569	6. Soạn thảo văn bản	DLKS	2	(26, 8, 60)	
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (103 tín chỉ)					
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		27		
	<i>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>		23		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000519	3. Văn hoá kinh doanh	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	KT	3	(39, 12, 90)	x
001201	5. Quản trị học	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001109	6. Tài chính - Tiền tệ	TCNH	3	(39, 12, 90)	x
001717	7. Kế toán doanh nghiệp	KT	3	(39, 12, 90)	x
000568	8. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001195	9. Kinh tế lượng	DLKS	3	(39, 12, 90)	x
	<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong các học phần)</i>		4		
001269	1. Nguyên lý thống kê và thống kê KD	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000566	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
001619	3. Kế toán quản trị	KT	2	(26, 8, 60)	
000456	4. Kinh tế đầu tư	DLKS	2	(26, 8, 60)	
000563	5. Kinh tế quốc tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		51		
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		36		
001104	1. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
000497	2. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
000970	3. Quản trị tài chính	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001345	4. Thực hành quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
001349	5. Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
000492	6. Quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
001426	7. Quản trị chiến lược	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001427	8. Quản trị sản xuất	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001392	9. Quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001108	10. Thực hành Quản trị tài chính	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
001324	11. Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001106	12. Quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
000480	13. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 15 tín chỉ trong các học phần)</i>		15		
001107	1. Quản trị Marketing	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001618	2. Quản trị du lịch và khách sạn	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	
001617	3. Quản trị nhóm làm việc	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	
001714	4. Quản trị doanh nghiệp thương mại	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001616	5. Nghệ thuật lãnh đạo	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	
001373	6. Thực hành quản trị bán hàng	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
001615	7. Thực hành quản trị hành chính văn phòng	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	
001614	8. Thực hành Marketing trong doanh nghiệp	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	
001613	9. Thực hành quản trị kinh doanh quốc tế	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	
001105	10. Tin ứng dụng trong kinh doanh	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001370	11. Quản trị chuỗi cung ứng	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
002062	12. Quản trị đổi mới sáng tạo	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)		25		
	2.3.1. Modul 1: Quản trị kinh doanh		25		
001254	1. Quản trị chất lượng	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001253	2. Quản trị dự án	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
001893	4. Thực hành mô phỏng chiến lược	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
000899	Thực tập cuối khóa ngành QTKD	QT&MAR	5	(0, 300, 0)	x
001604	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD	QT&MAR	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001288	1. Thương mại điện tử	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001612	2. Quản trị thương hiệu	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001289	3. Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	2.3.2. Modun 2: Quản trị Marketing		25		
001611	1. Marketing quốc tế	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001610	2. Nghiên cứu Marketing	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
001609	4. Thực hành E- Marketing (Marketing điện tử)	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
000899	Thực tập cuối khóa ngành QTKD	QT&MAR	5	(0, 300, 0)	x
001604	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD	QT&MAR	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001999	1. Quản trị quan hệ khách hàng	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001608	2. Truyền thông marketing tích hợp	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
001287	3. Marketing dịch vụ	QT&MAR	3	(36, 18, 90)	x
	2.3.2. Modun 3: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.		25		
001607	1. Quản trị Logistics	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001606	2. Cơ sở hạ tầng logistics	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000516	3. Tiểu luận 2: Phân tích hoạt động kinh doanh	QT&MAR	2	(0, 60, 60)	x
001605	4. Thực hành quản trị chuỗi cung ứng	QT&MAR	3	(0, 90, 90)	x
000899	Thực tập cuối khóa ngành QTKD	QT&MAR	5	(0, 300, 0)	x
001604	Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKD	QT&MAR	9	(0/540/0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001603	1. Nghiệp vụ giao nhận và vận tải quốc tế	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001602	2. Logistics trong thương mại điện tử	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
001601	3. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- ✓ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- ✓ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- ✓ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT V/v ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

+ Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo QĐ số 686/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế

- Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

○ Học kỳ I bao gồm các nội dung:

- Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
- Học tập: 15 tuần
- thi học kỳ, dự trữ:

○ Học kỳ II bao gồm các nội dung:

- Nghỉ tết: 2 tuần.
- Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.

- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

- Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.
- Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long